

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVERGROUP

Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 30

12500
CÔNG TY
THH
HỒ CHÍ MINH
VIỆT NAM
1 - T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên
Ông Lee Sang Seok	Thành viên
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập
Ông Trần Văn Quân	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2020)
Ông Phó Đức Giang	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2020)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Sài Gòn
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Khánh Trình
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020



Số: 1052 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Clever Group**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2020, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 29 tháng 3 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.681.166.015	94.409.244.942
I. Tiền	110	4	16.331.264.620	14.085.495.324
1. Tiền	111		16.331.264.620	14.085.495.324
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	76.380.354.335	41.706.182.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		76.380.354.335	41.706.182.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.335.764.216	37.969.711.126
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	48.136.372.918	25.577.016.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.611.571.511	344.350.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.500.000.000	6.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.639.842.606	5.548.344.743
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(552.022.819)	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	553.951.581
1. Hàng tồn kho	141		-	553.951.581
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		633.782.844	93.904.911
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	532.346.707	21.393.031
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		159.091	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	101.277.046	72.511.880
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.101.627.558	23.023.664.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		667.127.500	323.127.500
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	667.127.500	323.127.500
II. Tài sản cố định	220		6.067.871.268	7.060.960.949
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.716.145.241	7.060.960.949
- Nguyên giá	222		12.341.852.455	12.152.150.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.625.707.214)	(5.091.189.687)
2. Tài sản cố định vô hình	227		351.726.027	-
- Nguyên giá	228		400.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.273.973)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	13	8.504.095.553	8.504.095.553
- Nguyên giá	231		8.504.095.553	8.504.095.553
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.193.965.568	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	14.193.965.568	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	15.250.694.050	5.444.753.755
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.840.707.561	1.754.753.755
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		13.409.986.489	3.690.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.417.873.619	1.690.727.187
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.050.021.491	1.690.727.187
2. Lợi thế thương mại	269	15	5.367.852.128	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		208.782.793.573	117.432.909.886

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.471.865.948	33.531.053.628
I. Nợ ngắn hạn	310		79.612.901.834	33.531.053.628
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	32.487.749.886	17.003.860.004
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	4.285.340.556	3.559.970.366
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	9.994.852.325	8.677.893.020
4. Phải trả người lao động	314		4.110.056.605	2.166.442.432
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	272.992.806	2.122.887.806
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	28.461.909.656	-
II. Nợ dài hạn	330		858.964.114	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	858.964.114	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.310.927.625	83.901.856.258
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	128.310.927.625	83.901.856.258
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.000.000.000	50.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		956.660.240	1.324.369.903
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.003.477.919	27.584.814.130
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		3.584.814.130	7.488.571.496
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		39.418.663.789	20.096.242.634
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		10.350.789.466	4.992.672.225
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		208.782.793.573	117.432.909.886



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Trình
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		362.640.226.981	335.125.002.766
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		362.640.226.981	335.125.002.766
3. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11		290.002.414.499	293.907.503.012
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		72.637.812.482	41.217.499.754
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.387.768.757	4.868.374.727
6. Chi phí tài chính	22		391.938.628	180.569.451
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		371.894.145	-
7. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	24		(1.046.194)	(1.246.245)
8. Chi phí bán hàng	25	27	12.150.158.989	10.174.442.798
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.280.442.829	9.660.857.674
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		52.201.994.599	26.068.758.313
11. Thu nhập khác	31		21.659.386	8.512.431
12. Chi phí khác	32		962.147.640	591.932.748
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(940.488.254)	(583.420.317)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		51.261.506.345	25.485.337.996
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	28	9.730.839.225	5.378.397.090
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	858.964.114	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		40.671.703.006	20.106.940.906
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		39.418.663.789	20.096.155.535
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		1.253.039.217	10.785.371
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	5.610	2.860



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Trình
Giám đốc

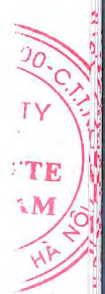
Ngày 10 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51.261.506.345	25.485.337.996
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	1.447.773.097	1.168.912.448
Các khoản dự phòng	03	552.022.819	1.246.246
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.230.357	(47.106.164)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(6.032.835.805)	(4.678.092.706)
Chi phí lãi vay	06	371.894.145	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	47.614.590.958	21.930.297.820
Thay đổi các khoản phải thu	09	(17.442.202.523)	(2.126.867.299)
Thay đổi hàng tồn kho	10	553.951.581	559.814.048
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.173.432.651	(24.029.170.410)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(313.784.633)	(1.176.946.956)
Tiền lãi vay đã trả	14	(371.894.145)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.627.345.716)	(3.998.557.355)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.586.748.173	(8.841.430.152)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.743.056.476)	(4.887.214.563)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	90.909.091
3. Tiền chi cho vay	23	(156.580.520.088)	(3.490.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	115.434.900.000	1.225.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(469.333.787)	-
6. Tiền thu lãi cho vay	27	3.919.924.418	3.217.677.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.438.085.933)	(3.843.628.268)



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	4.500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	71.367.234.203	3.900.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(42.905.324.547)	(3.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	28.461.909.656	4.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	2.610.571.896	(8.185.058.420)
Tiền đầu năm	60	14.085.495.324	22.355.246.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ và do chuyển đổi báo cáo tài chính	61	(364.802.600)	(84.693.032)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	16.331.264.620	14.085.495.324



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Trình
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Quảng cáo Thông minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 ngày 04 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 16 ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuộc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty có mua lại cổ phần của một số Công ty con, cụ thể:

Tên Công ty con	Vốn đầu tư (VND)	Ti lệ phần sở hữu	Ti lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Orion Media	6.168.000.000	77%	77%
Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	740.564.000	72%	72%
Công ty Cổ phần công nghệ Quảng cáo ADTech	600.000.000	60%	60%
Công ty Cổ phần ADOP Vietnam	2.463.693.080	40%	100%

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 03 chi nhánh trực thuộc tại Hà Nội, Đà Nẵng, Sài Gòn.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Myanmar	95	95	Dịch vụ quảng cáo
Công ty Cổ phần ADOP Việt Nam	Việt Nam	40	100	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
Công ty Cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
Công ty Cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hoá doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần ADOP Việt Nam, nhưng theo thỏa thuận ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa ADOP Inc. và Công ty, ADOP Inc. sẽ chuyển toàn bộ quyền biểu quyết tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mình cho Công ty chỉ cho mục đích quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc tại ADOP Vietnam. Theo đó, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần ADOP Việt Nam được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như trình bày tại Thuyết minh số 29.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở chuyển đổi báo tài chính của công ty con

Công ty PT CleverAds – Công ty con của Công ty sử dụng Rupiah (IDR) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty PT CleverAds cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập bằng Rupiah (IDR) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị

2500
CÔNG TY
HH
ITTE
NAM
-TP H

hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại biệt thự LK4 - SL40, Lô TT96-9, khu đất phía Đông Nam dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và phần mở rộng khu B (Vinhomes Thăng Long) thuộc xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	566.188.193	649.601.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.765.076.427	13.435.893.609
	<u>16.331.264.620</u>	<u>14.085.495.324</u>

0112
CÔNG
TNH
LOI
TẾT
ĐA

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm (phân loại lại)	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	89.790.340.824	-	45.396.182.000	-
a1) Ngắn hạn	76.380.354.335	-	41.706.182.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	27.743.334.247	-	5.400.000.000	-
- Trái phiếu (ii)	48.637.020.088	-	36.306.182.000	-
<i>Trái phiếu Công ty Yamagata</i>	14.700.000.000	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Thượng</i>	14.600.000.000	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land</i>	10.692.100.000	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine</i>	4.061.400.000	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Châu</i>	2.600.000.000	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần đầu tư BĐS Đông Dương</i>	1.983.520.088	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty Azura</i>	-	-	2.000.000.000	-
<i>Trái phiếu Công ty Tân Việt</i>	-	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty VNDIRECT</i>	-	-	8.731.182.000	-
<i>Trái phiếu Công ty Ataka</i>	-	-	25.575.000.000	-
a2) Dài hạn	13.409.986.489	-	3.690.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	1.600.000.000	-	3.690.000.000	-
- Trái phiếu (iv)	11.809.986.489	-	-	-
<i>Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam</i>	5.010.000.000	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect</i>	5.000.000.000	-	-	-
<i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A</i>	1.799.986.489	-	-	-
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
b. Đầu tư vào công ty liên kết	1.843.000.000	1.840.707.561	1.756.000.000	1.754.753.755
<i>Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh</i>	1.756.000.000	1.753.707.561	1.756.000.000	1.754.753.755
<i>Công ty Cổ phần Orion Radio</i>	87.000.000	87.000.000	-	-

- (i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,5%/năm - 7,3%/năm. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thể chấp các sổ tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7.756.524.247 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại ngân hàng này.
- (ii) Phản ánh trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 8,2%/năm - 9,2%/năm.
- (iii) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân với lãi suất 7,3%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên.
- (iv) Phản ánh trái phiếu có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng với lãi suất từ 8%/năm - 9,8%/năm.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần BE Group	4.608.648.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí và Thể thao Điện tử Việt Nam	3.122.025.187	1.335.305.771
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Phương Đông	4.007.179.852	279.159.250
Công ty TNHH The One Marketing Việt Nam	757.625.000	908.325.000
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tân Hiệp Phát	1.165.159.077	1.285.690.647
Công ty Cổ phần Bạch Minh	313.270.640	762.335.038
Công ty TNHH Grab	674.150.186	4.272.294.445
Công ty TNHH GPAY Network Việt Nam	1.683.718.737	1.033.099.054
Công ty TNHH Một thành viên TV Cộng	265.604.305	782.711.017
Các khách hàng khác	31.538.991.934	14.918.096.161
	<u>48.136.372.918</u>	<u>25.577.016.383</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	<u>227.087.794</u>	<u>-</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng CIENCO 1	3.549.090.908	-
Các đối tượng khác	1.062.480.603	344.350.000
	<u>4.611.571.511</u>	<u>344.350.000</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	3.500.000.000	6.500.000.000
	<u>3.500.000.000</u>	<u>6.500.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt theo các hợp đồng vay vốn với thời hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.451.943.459	227.696.163
Lãi dự thu tiền cho vay	36.986.301	22.000.000
Lãi dự thu trái phiếu có kỳ hạn	374.782.970	1.372.575.137
Phải thu thuế GTGT nhà thầu	-	1.376.953.764
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	193.095.000	-
Phải thu khác	2.583.034.876	2.549.119.679
	<u>4.639.842.606</u>	<u>5.548.344.743</u>
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	667.127.500	323.127.500
	<u>667.127.500</u>	<u>323.127.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
DIỆN VI
HÔNG

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Mầm Việt	10.330.380	-	10.330.380	10.330.380	10.330.380	-
Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường	45.100.000	-	45.100.000	45.100.000	45.100.000	-
Công ty TNHH Gogala	50.913.079	-	50.913.079	50.913.079	50.913.079	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công trình nghi dưỡng S.P.A	31.350.000	-	31.350.000	31.350.000	31.350.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	41.454.545	41.454.545	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt thự	20.745.958	-	20.745.958	20.745.958	20.745.958	-
Công ty TNHH Ila Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	66.734.809	66.734.809	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	89.444.768	-	89.444.768	89.444.768	89.444.768	-
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Minh Thành Phát	195.949.280	-	195.949.280	195.949.280	195.949.280	-
	552.022.819	-	552.022.819	552.022.819	552.022.819	-

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.039.700	21.393.031
Chi phí thuê văn phòng trả trước	528.307.007	-
	532.346.707	21.393.031
b. Dài hạn		
Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.748.942.574	849.457.291
Chi phí sửa chữa văn phòng	513.231.175	776.722.681
Khác	2.787.847.742	64.547.215
	5.050.021.491	1.690.727.187

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	11.815.557.181	336.593.455	12.152.150.636
Tăng do mua công ty con	189.701.819	-	-	189.701.819
Số dư cuối năm	189.701.819	11.815.557.181	336.593.455	12.341.852.455
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	4.809.568.669	281.621.018	5.091.189.687
Khấu hao trong năm	7.904.242	1.388.682.493	31.186.362	1.427.773.097
Tăng do mua công ty con	106.744.430	-	-	106.744.430
Số dư cuối năm	114.648.672	6.198.251.162	312.807.380	6.625.707.214
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	7.005.988.512	54.972.437	7.060.960.949
Tại ngày cuối năm	75.053.147	5.617.306.019	23.786.075	5.716.145.241

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.506.927.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.430.247.000 VND).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ

	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	8.504.095.553
Số dư cuối năm	8.504.095.553
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	8.504.095.553
Tại ngày cuối năm	8.504.095.553

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại biệt thự LK4 - SL40, Lô TT96-9, khu đất phía Đông Nam dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và phần mở rộng khu B (Vinhomes Thăng Long) thuộc xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Do đây là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao. Trong năm cũng không phát sinh bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ bị giảm giá so với giá thị trường.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp Bất động sản này để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công trình lắp đặt sàn văn phòng tại 25 Nguyễn Huy Tưởng	14.193.965.568	-
	14.193.965.568	-

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm nay	-
Tăng do mua công ty con	5.430.987.600
Số dư cuối năm nay	<u>5.430.987.600</u>
HAO MÒN	
Số dư đầu năm nay	-
Khấu hao trong năm	63.135.472
Số dư cuối năm nay	<u>63.135.472</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>-</u>
Tại ngày cuối năm	<u>5.367.852.128</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Facebook Ireland	19.449.044.730	19.449.044.730	13.913.297.904	13.913.297.904
Công ty TNHH Google Ireland	4.581.256.132	4.581.256.132	2.855.890.445	2.855.890.445
Các đối tượng khác	8.457.449.024	8.457.449.024	234.671.655	234.671.655
	32.487.749.886	32.487.749.886	17.003.860.004	17.003.860.004

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Viện mắt Quốc tế Việt - Nga	1.801.800.000	-
Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	568.831.860	626.294.086
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Việt	542.881.900	-
Đại học Quốc gia Hà Nội	541.217.600	24.640.000
Công ty Cổ phần Tích hợp Dịch vụ số	174.900.000	233.200.000
Các đối tượng khác	655.709.196	2.675.836.280
	<u>4.285.340.556</u>	<u>3.559.970.366</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp/</u> <u>khấu trừ trong năm</u> VND	<u>Chuyển sang phải</u> <u>thu/ phải trả</u>	<u>Số cuối năm</u> VND
a. Các khoản phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	57.003.564	57.003.564
Thuế thu nhập cá nhân	72.511.880	73.432.616	920.736	44.273.482	44.273.482
	<u>72.511.880</u>	<u>73.432.616</u>	<u>920.736</u>	<u>101.277.046</u>	<u>101.277.046</u>
b. Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	2.932.315.131	46.359.825.966	44.763.477.187	-	4.528.663.910
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.750.009.326	9.730.839.225	8.627.345.716	(57.003.564)	4.910.506.399
Thuế thu nhập cá nhân	67.467.035	913.704.845	473.270.234	(44.273.482)	552.175.128
Các loại thuế khác	1.928.101.528	10.580.705	1.935.175.345	-	3.506.888
	<u>8.677.893.020</u>	<u>57.014.950.741</u>	<u>55.799.268.482</u>	<u>(101.277.046)</u>	<u>9.994.852.325</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Kinh phí công đoàn	272.992.806	157.762.806
Phải trả phần mua lại cổ phần	-	1.965.125.000
	<u>272.992.806</u>	<u>2.122.887.806</u>
Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết xem Thuyết minh số 31)	-	1.965.125.000
	<u>-</u>	<u>1.965.125.000</u>

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (i)	-	-	51.671.546.611	28.205.324.547	23.466.222.064	23.466.222.064
Vay bên liên quan (ii) (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	-	-	14.700.000.000	14.700.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	-	-	4.111.488.911	-	4.111.488.911	4.111.488.911
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iv)	-	-	884.198.681	-	884.198.681	884.198.681
	-	-	71.367.234.203	42.905.324.547	28.461.909.656	28.461.909.656

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 002/2019-HDCVHM/NHCT140-CLEVERADS ký ngày 03 tháng 6 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 32.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2019. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản mà Công ty đang nắm giữ với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.504.095.553 (xem Thuyết minh số 13) và Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 06.103/2019/HĐDB/NHCT140-NGUYENKHANHTRINH ký ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Khánh Trinh. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 4%/năm.

(ii) Khoản vay ngắn hạn theo các Hợp đồng cho vay trong năm giữa ông Nguyễn Khánh Trinh và Công ty, các khoản vay nhằm mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh, có thời hạn 01 tháng, không chịu lãi suất và đã được tắt toán toàn bộ trong năm.

(iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 7.750.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ sổ tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7.756.524.247 VND như được trình bày tại thuyết minh số 5.

(iv) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, có hạn mức 5.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

21. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	858.964.114	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	858.964.114	-

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	35.345.600.000	(2.033.974.217)	24.662.678.697	490.825.697	58.465.130.177
Tăng vốn trong năm	14.654.400.000	-	(14.654.400.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	20.096.155.535	10.785.371	20.106.940.906
Tăng khác	-	-	122.212.898	4.992.672.225	5.114.885.123
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.340.117.817	-	-	1.340.117.817
Giảm vốn trong năm	-	2.018.226.303	-	-	2.018.226.303
Trả cổ tức tại công ty con	-	-	(2.641.833.000)	-	(2.641.833.000)
Giảm khác	-	-	-	(501.611.068)	(501.611.068)
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	1.324.369.903	27.584.814.130	4.992.672.225	83.901.856.258
Tăng vốn trong năm (i)	24.000.000.000	-	(24.000.000.000)	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-	4.105.078.024	4.105.078.024
Lợi nhuận trong năm	-	-	39.418.663.789	1.253.039.217	40.671.703.006
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(367.709.663)	-	-	(367.709.663)
Số dư cuối năm nay	74.000.000.000	956.660.240	43.003.477.919	10.350.789.466	128.310.927.625

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 01 tháng 4 năm 2019, Công ty tăng vốn điều lệ lên 74 tỷ VND bằng việc sử dụng 24 tỷ VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 74.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 50.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ VND
Yello Digital Marketing Global Pte. Ltd	24.794.200.000	33,5%	16.752.840.000	33,5%
Nguyễn Khánh Trình	22.242.920.000	30,1%	31.402.470.000	62,8%
CyberAgent Capital INC.	1.111.820.000	1,5%	751.230.000	1,5%
Dư Khắc Châu	740.000.000	1,0%	1.093.460.000	2,2%
Các cổ đông khác	25.111.060.000	33,9%	-	0,0%
	74.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.400.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.400.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.400.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.400.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.400.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	2.703.810.000	1.154.160.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.815.240.000	4.012.652.500
	13.519.050.000	5.166.812.500
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	1.125	1.281

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty và các công ty con. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, hoạt động này diễn ra tại Việt Nam. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	224.904.806	1.904.411.219
Chi phí nhân công	23.917.255.211	19.428.097.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	1.447.773.097	1.168.912.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.090.528.789	288.013.698.334
Chi phí khác bằng tiền	1.111.799.410	68.306.413
	316.792.261.313	310.583.426.019

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	6.032.835.805	4.868.374.727
Lãi từ giao dịch mua rẻ	342.321.619	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.611.333	-
	6.387.768.757	4.868.374.727

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	5.234.839.050	4.113.983.242
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.179.972.754	754.702.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.201.237.082	879.438.194
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	552.022.819	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.582.066.139	3.566.023.756
Chi phí khác bằng tiền	530.304.985	346.709.781
	14.280.442.829	9.660.857.674
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	11.631.148.267	9.793.450.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	511.922.146	369.920.456
Chi phí khác bằng tiền	7.088.576	11.071.434
	12.150.158.989	10.174.442.798

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.730.839.225	5.293.482.038
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	84.915.052
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.730.839.225	5.378.397.090
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	858.964.114	-
	858.964.114	-

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại) (i)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	39.418.663.789	20.096.155.535
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.418.663.789	20.096.155.535
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.026.641	7.026.641
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.610	2.860

(i) Số liệu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2018 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc Công ty tăng vốn điều lệ lên 74 tỷ VND bằng việc phát hành thêm 2.400.000 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông tương ứng với 24 tỷ VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 01 tháng 4 năm 2019, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số đã điều chỉnh so với số đã báo	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	20.096.155.535	-	20.096.155.535
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.096.155.535	-	20.096.155.535
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.626.614	2.400.000	7.026.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.344		2.860

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 520 m² văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2019.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Nguyễn Khánh Trình
 Công ty Cổ phần Kho ứng dụng Thông minh
 Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực
 CleverAds Philippines Corporation
 Công ty Cổ phần JobsGO

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn
 Đồng chủ sở hữu
 Đồng chủ sở hữu
 Đồng chủ sở hữu
 Đồng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.508.103.640	7.238.564.543
CleverAds Philippines Corporation	8.552.408.950	6.919.373.473
Công ty Cổ phần JobsGo	1.533.159.309	249.708.872
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	422.535.381	69.482.198
Mua hàng hóa, dịch vụ	932.596.674	60.151.885
CleverAds Philippines Corporation	855.240.895	-
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	56.835.779	44.864.385
Công ty Cổ phần JobsGo	20.520.000	15.287.500
Nhận tiền vay	14.700.000.000	3.900.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	14.700.000.000	3.600.000.000
Ông Dư Khắc Châu	-	300.000.000
Trả tiền vay	14.700.000.000	3.900.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	14.700.000.000	3.600.000.000
Ông Dư Khắc Châu	-	300.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng	227.087.794	-
Công ty Cổ phần JobsGo	195.635.283	-
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	31.452.511	-
Phải trả khác	-	1.965.125.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	-	1.965.125.000

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.567.540.000	798.670.000

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 17 tháng 01 năm 2020, Công ty đã thông qua một số nội dung sau:

- Phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ trị giá 8.880.000.000 VND với mục đích phục vụ hoạt động mua bán sáp nhập, đầu tư vào doanh nghiệp tiềm năng cũng như bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần với giá trị 60.867.960.000 VND với mục đích tăng vốn cổ phần.
- Phát hành cổ phiếu trị giá 1.852.770.000 VND với mục đích động viên, đãi ngộ người lao động trong Công ty.
- Thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty thành: Tầng 3, nhà G1, tòa nhà Five Star, số 2 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Bầu ông Trần Văn Quân giữ chức vụ thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.
- Miễn nhiệm chức danh thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của ông Phó Đức Giang

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán 888.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phần cho nhà đầu tư Yello Digital Marketing Global Pte Ltd với giá bán 78.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VND/cổ phiếu. Tổng số tiền thu thực tế từ việc chào bán cổ phiếu là 69.748.153.846 VND chênh lệch với số tiền thu dự kiến 193.846 VND do chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào thu nhập khác của Công ty.

Chi tiết số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông của Công ty sau đợt phát hành cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 3 năm 2020 như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Yello Digital Marketing Global Pte. Ltd	3.367.420	41%
2	Nguyễn Khánh Trình	2.224.292	27%
3	CyberAgent Capital INC.	111.182	1%
4	Dư Khắc Châu	74.000	1%
5	Các cổ đông khác	2.511.106	30%
		8.288.000	100%

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Khoản mục	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	35.175.000.000	6.531.182.000	41.706.182.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	10.221.182.000	(6.531.182.000)	3.690.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	8.513.305.243	(2.964.960.500)	5.548.344.743
Phải thu dài hạn khác	-	323.127.500	323.127.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	10.130.404.496	(2.641.833.000)	7.488.571.496



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Trình
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020